

**CÔNG TY CỔ PHẦN
SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

đã được soát xét

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,

Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

Trang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	05-30
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	05-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	09-10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11-30

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101008460 (số cũ: 0103000045) do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 03 tháng 05 năm 2000, đăng ký thay đổi lần 9 ngày 16 tháng 08 năm 2011.

Trụ sở chính của Công ty: Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Mạnh Hà	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Quang Vinh	Ủy viên	
Ông Nguyễn Hồng	Ủy viên	
Ông Đào Đức Toàn	Ủy viên	
Ông Nguyễn Anh Hùng	Ủy viên	Miễn nhiệm từ ngày 26/04/2012
Ông Đỗ Văn Hợi	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Mạnh Hà	Tổng Giám đốc
Ông Đào Đức Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tuấn Hiền	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Xuân	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đào Thị Kim Loan	Trưởng ban
Bà Ngô Thị Hồng Vân	Thành viên
Ông Trần Nam Bắc	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thu,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Chạy bởi Ban Giám đốc



Nguyễn Tuấn Hiền
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2012



Số: 1044 /2012/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012 của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến được lập ngày 20 tháng 07 năm 2012, gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012 được trình bày từ trang 05 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; do đó công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)**



Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2012

Vũ Xuân Biên
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 0743/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		309,583,477,091	421,119,332,834
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	13,437,171,216	15,796,998,271
111	1. Tiền		1,138,044,967	4,300,197,099
112	2. Các khoản tương đương tiền		12,299,126,249	11,496,801,172
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	868,100,000	639,790,000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		1,352,900,000	1,372,190,000
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(484,800,000)	(732,400,000)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		64,425,008,468	97,485,547,941
131	1. Phải thu của khách hàng		31,536,072,338	74,921,841,854
132	2. Trả trước cho người bán		18,467,858,991	8,256,717,706
135	5. Các khoản phải thu khác	5	14,588,208,277	14,474,119,519
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(167,131,138)	(167,131,138)
140	IV. Hàng tồn kho	6	220,047,704,600	293,410,851,908
141	1. Hàng tồn kho		221,017,659,447	306,343,424,615
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(969,954,847)	(12,932,572,707)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		10,805,492,807	13,786,144,714
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		627,144,380	693,729,448
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		5,386,215,412	5,070,205,786
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	7	4,792,133,015	8,022,209,480
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		151,873,881,138	152,882,866,923
220	II. Tài sản cố định		138,120,006,726	138,449,022,958
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	95,799,961,187	76,364,902,935
222	- Nguyên giá		134,130,506,966	109,746,286,385
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(38,330,545,779)	(33,381,383,450)
227	3. Tài sản cố định vô hình	9	9,168,563,636	9,169,188,651
228	- Nguyên giá		9,189,063,636	9,189,063,636
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(20,500,000)	(19,874,985)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	33,151,481,903	52,914,931,372
260	V. Tài sản dài hạn khác		13,753,874,412	14,433,843,965
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	13,753,874,412	13,975,389,483
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	23.2	-	458,454,482
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		461,457,358,229	574,002,199,757

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		145,703,550,563	259,711,883,401
310	I. Nợ ngắn hạn		145,460,483,179	259,489,387,563
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	12	80,430,157,858	180,206,343,803
312	2. Phải trả người bán		46,498,848,371	58,892,699,682
313	3. Người mua trả tiền trước		379,402,865	351,377,303
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	11,026,459,875	11,417,192,150
315	5. Phải trả người lao động		475,360,560	1,780,457,073
316	6. Chi phí phải trả	14	244,068,179	565,925,682
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	15	498,108,333	751,514,732
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		5,908,077,138	5,523,877,138
330	II. Nợ dài hạn		243,067,384	222,495,838
333	3. Phải trả dài hạn khác		201,970,306	189,870,306
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	23.2	8,471,546	-
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		32,625,532	32,625,532
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		305,749,071,142	303,812,597,841
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	305,749,071,142	303,812,597,841
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		199,999,930,000	199,999,930,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		78,067,482,550	78,067,482,550
414	4. Cổ phiếu quỹ		(22,910,999,000)	(22,910,999,000)
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	(371,219,530)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		27,009,247,915	17,009,247,915
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		4,578,260,521	14,578,260,521
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		19,005,149,156	17,439,895,385
439	C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		10,004,736,524	10,477,718,515
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		461,457,358,229	574,002,199,757
			-	-

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng Dollar Mỹ (USD)		117,466.49	312,638.68

Trương Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng



Nguyễn Tuấn Hiền
Phó Tổng Giám đốc

Lập, ngày 20 tháng 07 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2012	Từ 01/01/2011
			đến 30/06/2012	đến 30/06/2011
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	487,832,094,999	740,524,403,646
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		487,832,094,999	740,524,403,646
11	4. Giá vốn hàng bán	18	469,532,523,705	672,660,162,863
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		18,299,571,294	67,864,240,783
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	3,143,477,957	1,428,149,978
22	7. Chi phí tài chính	20	8,851,347,788	23,561,684,814
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		7,906,472,401	19,030,726,284
24	8. Chi phí bán hàng	21	1,582,443,262	1,911,838,857
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	7,661,407,538	5,850,732,199
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		3,347,850,663	37,968,134,891
31	11. Thu nhập khác		472,441,332	988,053,591
32	12. Chi phí khác		1,332,206,254	1,443,344,915
40	13. Lợi nhuận khác		(859,764,922)	(455,291,324)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2,488,085,741	37,512,843,567
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23.1	480,247,042	7,597,809,513
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	23.2	466,926,028	127,460,514
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		1,540,912,671	29,787,573,540
61	18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		(643,937,167)	268,768,147
62	18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		<u>2,184,849,838</u>	<u>29,518,805,393</u>
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24	121	1,562

Trương Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng



Nguyễn Tuấn Hiền
Phó Tổng Giám đốc

Lập, ngày 20 tháng 07 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2012	Từ 01/01/2011
			đến 30/06/2012	đến 30/06/2011
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		2,488,085,741	37,512,843,567
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	Khấu hao tài sản cố định		5,224,524,791	3,723,325,719
03	Các khoản dự phòng		(12,210,217,860)	859,150,000
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2,133,989,953)	(1,125,069,141)
06	Chi phí lãi vay		7,906,472,401	19,030,726,284
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1,274,875,120	60,000,976,429
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		32,760,966,009	(89,766,272,935)
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		85,325,765,168	123,165,245,822
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(9,269,057,124)	31,072,550,848
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		288,100,139	(150,634,971)
13	Tiền lãi vay đã trả		(8,233,379,897)	(20,238,793,143)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5,512,729,315)	(2,660,128,037)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		6,189,294,291	67,900,000
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5,887,738,550)	(304,200,000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		96,936,095,841	101,186,644,013
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(3,402,360)	(8,769,269,659)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	90,909,091
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị		(15,265,887,223)	(2,500,000,000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		13,592,177,223	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2,158,189,953	2,142,202,475
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		481,077,593	(9,036,158,093)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(8,849,197,000)
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		109,269,998,000	210,989,857,634
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(209,046,998,489)	(284,532,348,194)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(18,993,273,000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(99,777,000,489)	(101,384,960,560)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾNLô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(2,359,827,055)	(9,234,474,640)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	15,796,998,271	26,789,383,956
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	<u>3</u> <u>13,437,171,216</u>	<u>17,554,909,316</u>

**Trương Thị Thu Hiền**
Kế toán trưởng**Nguyễn Tuấn Hiền**
Phó Tổng Giám đốc

Lập, ngày 20 tháng 07 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

1 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101008460 (số cũ: 0103000045) do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 03 tháng 05 năm 2000, đăng ký thay đổi lần 9 ngày 16 tháng 08 năm 2011.

Trụ sở chính của Công ty: Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 199.999.930.000 đồng; tương đương 19.999.993 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty có các công ty con sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến Hưng Yên	Thôn Nghĩa Trai, Xã Tân Quang, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
- Công ty TNHH Phúc Tiến Hải Phòng	Thôn Bắc Hà, Xã Bắc Sơn, Huyện An Dương, TP Hải Phòng

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty gồm:

- Sản xuất các loại ống thép, ống inox; Sản xuất các sản phẩm từ thép; Sản xuất kết bực, tủ sắt, kết sắt, thang sắt, đồ sắt tráng men; Sản xuất các cấu kiện thép cho xây dựng (dầm cầu thép, xà, thanh giằng, các cột thép, cột ăng ten truyền hình...);
- Sản xuất khung bằng thép (khung nhà, kho...); Kéo dây sắt, thép; Dệt lưới thép, kim loại; Sản xuất thép không gỉ, inox;
- Dựng, lắp kết cấu thép và bê tông đúc sẵn; Luyện gang, thép;
- Xây dựng công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thương mại và dân dụng;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn; Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ;
- Vận tải hành khách, hàng hóa, bê tông tươi đường bộ bằng ô tô;
- Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ kho vận;
- Kinh doanh lữ hành nội địa; quốc tế;
- Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (ki-ốt, trung tâm thương mại); Cho thuê kho, bãi đỗ xe;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Môi giới thương mại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 06 năm 2012. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm kế toán với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10	năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10	năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05	năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05	năm

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái theo Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp, theo đó các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính của năm tài chính. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh ở khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo; chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản nợ phải trả dài hạn vào chi phí dẫn đến kết quả kinh doanh của công ty bị lỗ, một phần chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để công ty không bị lỗ nhưng mức ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí trong các năm tiếp theo với thời gian tối đa là 5 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2012 của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến Hưng Yên được giảm 30% áp dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ theo Nghị quyết số 29/2012/QH13 của Quốc hội về việc ban hành một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức cá nhân.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIỀNLô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Tiền mặt	14,024,000	108,424,000
Tiền gửi ngân hàng	1,124,020,967	4,191,773,099
Các khoản tương đương tiền	12,299,126,249	11,496,801,172
	<u>13,437,171,216</u>	<u>15,796,998,271</u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	1,352,900,000	1,372,190,000
Đầu tư ngắn hạn khác	-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(484,800,000)	(732,400,000)
	<u>868,100,000</u>	<u>639,790,000</u>

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Phải thu về bảo hiểm xã hội	892,000	-
Phải thu về tiền gốc cho vay	14,100,000,000	13,759,000,000
Phải thu khác	487,316,277	715,119,519
	<u>14,588,208,277</u>	<u>14,474,119,519</u>

6 . HÀNG TỒN KHO

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	100,929,137,370	132,498,164,335
Công cụ, dụng cụ	-	7,739,999
Thành phẩm	18,657,563,212	39,123,886,993
Hàng hoá	101,430,958,865	134,713,633,288
Cộng giá gốc hàng tồn kho	<u>221,017,659,447</u>	<u>306,343,424,615</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(969,954,847)	(12,932,572,707)
Cộng	<u>220,047,704,600</u>	<u>293,410,851,908</u>

7 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Tạm ứng	2,338,825,645	1,555,807,325
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	2,453,307,370	6,466,402,155
	<u>4,792,133,015</u>	<u>8,022,209,480</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
 Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ						
Số dư đầu kỳ	32,664,756,203	54,222,047,765	22,646,630,834	212,851,583	-	109,746,286,385
Số tăng trong kỳ	17,727,321,352	-	7,375,220,911	-	-	25,102,542,263
- Mua sắm mới	-	-	7,375,220,911	-	-	7,375,220,911
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	17,727,321,352	-	-	-	-	17,727,321,352
Số giảm trong kỳ	-	(718,321,682)	-	-	-	(718,321,682)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(718,321,682)	-	-	-	(718,321,682)
Số dư cuối kỳ	50,392,077,555	53,503,726,083	30,021,851,745	212,851,583	-	134,130,506,966
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu kỳ	9,309,145,788	18,059,504,803	5,856,053,306	156,679,553	-	33,381,383,450
Số tăng trong kỳ	1,560,065,643	2,259,452,532	1,395,301,483	9,080,118	-	5,223,899,776
- Trích khấu hao	1,560,065,643	2,259,452,532	1,395,301,483	9,080,118	-	5,223,899,776
Số giảm trong kỳ	-	(274,737,447)	-	-	-	(274,737,447)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(274,737,447)	-	-	-	(274,737,447)
Số dư cuối kỳ	10,869,211,431	20,044,219,888	7,251,354,789	165,759,671	-	38,330,545,779
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư đầu kỳ	23,355,610,415	36,162,542,962	16,790,577,528	56,172,030	-	76,364,902,935
Số dư cuối kỳ	39,522,866,124	33,459,506,195	22,770,496,956	47,091,912	-	95,799,961,187

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾNLô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu kỳ	9,168,563,636	20,500,000	9,189,063,636
Số tăng trong kỳ	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	9,168,563,636	20,500,000	9,189,063,636
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu kỳ	-	19,874,985	19,874,985
Số tăng trong kỳ	-	625,015	625,015
- Trích khấu hao	-	625,015	625,015
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	20,500,000	20,500,000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư đầu kỳ	9,168,563,636	625,015	9,169,188,651
Số dư cuối kỳ	9,168,563,636	-	9,168,563,636

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	14,886,949,907	32,706,960,317
- Công trình Đèn Lù	4,726,696,703	4,726,696,703
- Xây dựng xưởng Hải Phòng	20,000,000	20,000,000
- Công trình Lai Cách - Hải Dương	200,000,000	200,000,000
- Nhà xưởng 5 - Hưng Yên	-	71,576,858
- Nhà trưng bày sản phẩm - Hưng Yên	-	127,136,868
- Nhà 5 tầng	5,966,598,159	5,862,748,655
- Nhà 3 tầng	3,973,655,045	3,950,018,681
- Xây dựng nhà xưởng 1 - Hải Phòng	-	6,347,349,673
- Xây dựng nhà xưởng 2 - Hải Phòng	-	11,401,432,879
- Công trình khác	411,154,992	-
Mua sắm tài sản cố định	17,842,590,390	20,207,971,055
- Máy ép tấm nhựa bọc nhôm	4,715,538,279	4,777,123,232
- Máy ép tấm nhựa PC	5,157,800,046	5,155,591,379
- Máy ép tấm nhựa PC. S phẳng	7,909,252,065	7,880,302,439
- Chi phí lắp đặt 3 máy ép	-	139,226,731
- Máy xay hạt nhựa	60,000,000	-
- Ô tô	-	2,255,727,274
Sửa chữa lớn tài sản cố định	10,786,614	-
- Sửa chữa nhà 309 Tam Trinh	10,786,614	-
	33,151,481,903	52,914,931,372

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIỀNLô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí cho giai đoạn triển khai không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là TSC	1,778,348,428	1,811,132,278
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	871,714,697	1,188,129,372
Giá trị quyền thuê đất góp vốn	10,500,000,000	10,500,000,000
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	-	57,086,249
Chi phí trả trước dài hạn khác	603,811,287	419,041,584
	13,753,874,412	13,975,389,483

12 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn	80,430,157,858	180,206,343,803
- Vay ngân hàng	75,716,734,571	178,934,699,851
- Vay cá nhân	4,713,423,287	1,271,643,952
	80,430,157,858	180,206,343,803

Chi tiết vay ngắn hạn

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Hà Nội ⁽¹⁾	13,233,973,810	15,038,628,292
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Hưng Yên ⁽²⁾	20,630,281,281	29,454,989,675
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - Chi nhánh Hưng Yên ⁽³⁾	25,756,309,594	45,469,373,899
Ngân hàng TMCP Công thương VN - Chi nhánh Hoàng Mai ⁽⁴⁾	16,096,169,886	88,971,707,985
Vay cá nhân	4,713,423,287	1,271,643,952
<i>Nguyễn Mạnh Hà</i> ⁽⁵⁾	2,819,121,109	417,841,774
<i>Vũ Thị Hoài Bão</i> ⁽⁶⁾	1,040,500,000	-
<i>Phạm Thị Hồng</i> ⁽⁷⁾	853,802,178	853,802,178
	80,430,157,858	180,206,343,803

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

(1) Thông báo về việc tái cấp hạn mức tín dụng số 415/2012/TB-CNHN ngày 15/06/2012 với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 60.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: Thời hạn sử dụng hạn mức trong vòng 12 tháng, thời hạn của từng giấy nhận nợ tùy thuộc vào từng thương vụ nhưng không quá 06 tháng;
- + Lãi suất cho vay: Lãi suất vay được quy định theo từng lần nhận nợ;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản sau:
 - Bất động sản là căn hộ tại 307-309 đường Nguyễn Tam Trinh - Mai Động - Hai Bà Trưng - Hà Nội
 - Sắt thép (Thép cuộn, thép hình, thép tấm, tôn các loại) tồn kho theo phương thức Tiền vào - Hàng ra.

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn (tiếp theo)

- (2) Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số LD1015300007 ngày 02/06/2010, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng ngắn hạn là 90.000.000.000 đồng bao gồm cả số dư nợ vay (nếu có) của hợp đồng tín dụng hạn mức số LD0835100009 ngày 16/12/2008 và các sửa đổi bổ sung;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: thời hạn vay được quy định trong từng giấy nhận nợ;
 - + Lãi suất cho vay: lãi suất cho vay được xác định cho từng lần nhận tiền vay theo thông báo của Ngân hàng tại từng thời điểm giải ngân và được ghi cụ thể trên từng Giấy nhận nợ;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: tài sản bảo đảm là toàn bộ hệ thống nhà xưởng, nhà văn phòng, kho bãi, đường nội bộ, các công trình phụ, ... và các tài sản hình thành từ vốn vay.
- (3) Hợp đồng tín dụng số 12.0169/VCB.HY ngày 26/04/2011, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: tối đa là 06 tháng kể từ ngày rút vốn đến ngày bên vay trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn (theo từng Giấy nhận nợ);
 - + Lãi suất cho vay: thay đổi theo Thông báo lãi suất của Bên cho vay từng thời kỳ;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: tài sản đảm bảo là tài sản theo Hợp đồng thế chấp số 08.0058/TC-NHNT.HY ngày 23/12/2008 và Hợp đồng thế chấp số 08.0059/TN-NHNT.HY ngày 23/12/2008.
- (4) Hợp đồng tín dụng số PT12011/HĐTD-HM ngày 02/08/2011, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 150.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Từ ngày 02/08/2011 đến hết ngày 30/06/2012; Thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ nhưng không quá 6 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: Bằng tổng lãi suất cơ sở và lãi suất biên độ;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (5) Hợp đồng vay vốn số 05/2012/-HĐVV ký ngày 01/01/2012 với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 4.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Theo từng lần nhận nợ nhưng không quá 24 tháng;
 - + Lãi suất cho vay 1%/tháng và được điều chỉnh theo thông báo của Công ty (nếu có); trả lãi vào ngày cuối
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (6) Hợp đồng vay vốn số 03/2012-HĐVV ngày 24/02/2012, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Số tiền vay là 1.040.500.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất vay là 8%/năm; ngày tính lãi được căn cứ vào ngày thu tiền;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (7) Kế ước nhận nợ vay số 01/2012 VCN-PT ngày 01/01/2012, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Số tiền vay là 853.802.178 đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày 01/01/2012;
 - + Lãi suất cho vay: 1%/tháng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIỀN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
 Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	6,178,881,990	1,173,446,134
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	360,473,858
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	4,815,818,394	9,848,300,667
Thuế Thu nhập cá nhân	31,759,491	34,971,491
	<u>11,026,459,875</u>	<u>11,417,192,150</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	209,589,553	536,497,049
Chi phí phải trả khác	34,478,626	29,428,633
	<u>244,068,179</u>	<u>565,925,682</u>

15 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	16,754,520	15,790,801
Bảo hiểm xã hội	30,788,816	18,070,789
Bảo hiểm y tế	5,343,302	4,654,477
Bảo hiểm thất nghiệp	2,374,800	-
Phải trả cổ tức cho cổ đông	290,770,650	290,770,650
Phải trả, phải nộp khác	152,076,245	422,228,015
	<u>498,108,333</u>	<u>751,514,732</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư cuối kỳ trước	199,999,930,000	78,067,482,550	(22,910,999,000)	(371,219,530)	17,009,247,915	14,578,260,521	17,439,895,385	303,812,597,841
Lãi/lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	2,184,849,838	2,184,849,838
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	-	371,219,530	-	-	-	371,219,530
Điều chuyển (*)	-	-	-	-	10,000,000,000	(10,000,000,000)	-	-
Trích quỹ KT, phúc lợi (*)	-	-	-	-	-	-	(500,000,000)	(500,000,000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(119,596,067)	(119,596,067)
Số dư cuối kỳ này	199,999,930,000	78,067,482,550	(22,910,999,000)	-	27,009,247,915	4,578,260,521	19,005,149,156	305,749,071,142

- Trích thêm 500.000.000 đồng từ Lợi nhuận chưa phân phối vào Quỹ khen thưởng phúc lợi;

- Điều chuyển 10.000.000.000 đồng từ Quỹ dự phòng tài chính sang Quỹ đầu tư phát triển.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIỀNLô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	199,999,930,000	199,999,930,000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<i>199,999,930,000</i>	<i>199,999,930,000</i>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<i>199,999,930,000</i>	<i>199,999,930,000</i>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	18,993,273,000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	-	<i>18,993,273,000</i>

d) Cổ phiếu

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19,999,993	19,999,993
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	19,999,993	19,999,993
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>19,999,993</i>	<i>19,999,993</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1,996,720	1,996,720
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1,996,720</i>	<i>1,996,720</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18,003,273	18,003,273
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>18,003,273</i>	<i>18,003,273</i>
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10,000	10,000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	27,009,247,915	17,009,247,915
Quỹ dự phòng tài chính	4,578,260,521	14,578,260,521
	<u>31,587,508,436</u>	<u>31,587,508,436</u>

17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	135,079,538,881	199,981,989,960
Doanh thu bán hàng hóa	351,018,324,210	538,427,479,469
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1,734,231,908	2,114,934,217
	<u>487,832,094,999</u>	<u>740,524,403,646</u>

18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	140,102,992,228	180,400,819,687
Giá vốn của hàng hóa đã bán	341,392,149,337	492,200,824,889
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	58,518,287
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(11,962,617,860)	-
	<u>469,532,523,705</u>	<u>672,660,162,863</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIỀNLô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	2,141,273,286	139,939,999
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	16,916,667	951,314,142
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	287,300,000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	33,815,000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	697,988,004	303,080,837
	3,143,477,957	1,428,149,978

20 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Lãi tiền vay	7,906,472,401	19,030,726,284
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	311,500,000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	733,977,047	2,927,648,232
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(247,600,000)	859,150,000
Chi phí tài chính khác	146,998,340	744,160,298
	8,851,347,788	23,561,684,814

21 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	9,034,265	13,524,501
Chi phí nhân công	528,457,966	840,801,158
Chi phí khấu hao tài sản cố định	136,101,822	73,601,820
Chi phí dịch vụ mua ngoài	778,774,900	934,029,791
Chi phí khác bằng tiền	130,074,309	49,881,587
	1,582,443,262	1,911,838,857

22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	233,492,923	327,515,208
Chi phí nhân công	3,785,556,329	3,075,443,149
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,736,595,527	904,720,287
Thuế, phí, lệ phí	11,668,400	13,833,500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	652,741,326	947,287,326
Chi phí khác bằng tiền	1,241,353,033	581,932,729
	7,661,407,538	5,850,732,199

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIỀN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
 Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

23 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**23.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	480,247,042	7,597,809,513
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	480,247,042	7,597,809,513

23.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	458,454,482
	-	458,454,482

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Chênh lệch tạm thời chịu thuế	8,471,546	-
	8,471,546	-

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào Báo cáo kết quả kinh doanh		
Chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	466,926,028	127,460,514
	466,926,028	127,460,514

24 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	2,184,849,838	29,518,805,393
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2,184,849,838	29,518,805,393
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	18,003,273	18,898,880
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	121	1,562

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIỀN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thu,
 Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

25 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Các loại công cụ tài chính của Công ty**

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2012		01/01/2012	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	13,437,171,216	-	15,796,998,271	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	32,024,280,615	(167,131,138)	75,636,961,373	(167,131,138)
Các khoản cho vay	14,100,000,000	-	13,759,000,000	-
Đầu tư ngắn hạn	1,352,900,000	(484,800,000)	1,372,190,000	(732,400,000)
Cộng	60,914,351,831	(651,931,138)	106,565,149,644	(899,531,138)
	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2012		01/01/2012	
	VND		VND	
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			80,430,157,858	180,206,343,803
Phải trả người bán, phải trả khác			46,996,956,704	59,644,214,414
Chi phí phải trả			244,068,179	565,925,682
			127,671,182,741	240,416,483,899

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIỀN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
 Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2012				
Vay và nợ	80,430,157,858	-	-	80,430,157,858
Phải trả người bán, phải trả khác	46,996,956,704	-	-	46,996,956,704
Chi phí phải trả	244,068,179	-	-	244,068,179
Cộng	<u>127,671,182,741</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>127,671,182,741</u>
Tại ngày 01/01/2012				
Vay và nợ	180,206,343,803	-	-	180,206,343,803
Phải trả người bán, phải trả khác	59,644,214,414	-	-	59,644,214,414
Chi phí phải trả	565,925,682	-	-	565,925,682
Cộng	<u>240,416,483,899</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>240,416,483,899</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

26 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
 Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

27 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:**

	Hoạt động sản xuất	Hoạt động thương mại	Các hoạt động khác	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	202,544,305,758	285,287,789,241	-	487,832,094,999	-	487,832,094,999
Chi phí trực tiếp	194,994,615,588	274,537,908,117	-	469,532,523,705	-	469,532,523,705
Chi phí phân bổ	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp	7,549,690,170	10,749,881,124	-	18,299,571,294	-	18,299,571,294
Tài sản bộ phận	119,916,372,081	102,774,509,666	-	222,690,881,747	-	222,690,881,747
Tài sản không phân bổ	-	-	-	238,766,476,482	-	238,766,476,482
Tổng tài sản				461,457,358,229	-	461,457,358,229
Nợ phải trả của các bộ phận	401,008,524	6,225,496,558	-	6,626,505,082	-	6,626,505,082
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	139,077,045,481	-	139,077,045,481
Tổng nợ phải trả				145,703,550,563	-	145,703,550,563

Báo cáo bộ phận thứ yếu - Theo khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thu,
 Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

28 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012</u>	<u>Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011</u>
		VND	VND
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ			
- Công ty CP Tập đoàn Thép Tiến Lên (*)		22,433,432,639	202,159,881,097
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ			
- Công ty CP Tập đoàn Thép Tiến Lên (*)		69,848,627,348	46,445,088,905
Lãi cho vay vốn, lãi chậm thanh toán			
- Công ty CP Tập đoàn Thép Tiến Lên (*)		65,636,275	231,493,611

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
		VND	VND
Phải thu tiền hàng			
- Công ty CP Tập đoàn Thép Tiến Lên (*)		11,336,599	34,096,911,856
Phải trả tiền hàng			
- Công ty CP Tập đoàn Thép Tiến Lên (*)		9,133,539,131	5,900,000,001

(*) Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến đồng thời là Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012</u>	<u>Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT	447,937,538	384,461,086

29 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) soát xét.



Trương Thị Thu Hiền
 Kế toán trưởng



Nguyễn Tuấn Hiền
 Phó Tổng Giám đốc

Lập, ngày 20 tháng 07 năm 2012